

Bản án số 11/2020/HNGĐ - ST  
Ngày 15/5/2020  
V/v: Tranh chấp về hôn nhân  
gia đình

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Hà Thị Nhung

***Các Hội thẩm nhân dân:*** Bà Nguyễn Thị Là và Bà Nguyễn Thị Vĩnh

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thuận Yến - Thư ký Tòa án

***Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Huế

Ngày 15 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2020/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 về việc: “Tranh chấp về hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXX-ST ngày 22 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Anh Vũ Đình D, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn LX, xã QH, huyện QP, tỉnh TB.

**Bị đơn:** Chị Hà Thị D1, sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn KB, xã PC, huyện ĐH, tỉnh TB

(Các đương sự đều vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn xin ly hôn ngày 30/12/2019 và trong quá trình tố tụng anh Vũ Đình D trình bày:

Anh và chị D1 kết hôn vào tháng 8/1992 do tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã QH, huyện QP, tỉnh TB. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh phải đi làm ăn xa vợ chồng không gần nhau nên tình cảm lạnh nhạt. Từ năm 2005 vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay thời gian ly thân đã lâu tình cảm vợ chồng không còn, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị D1. Vì công việc bận mãi anh D không thể tham gia phiên tòa anh xin được vắng mặt khi Tòa án xét xử.

Về con chung: Anh và chị D1 có 02 con chung là Vũ Quang D2, sinh năm 1993 và Vũ Thị D3, sinh năm 1999. Hiện nay cả hai con đã trưởng thành trên 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 22/4/2020 chị D1 trình bày: Chị và anh D kết hôn do tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND

xã QH vào năm 1992. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2005 anh D đi làm ăn xa thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị nghi ngờ anh D không chung thủy từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Anh D ít quan tâm tới vợ con. Năm 2017 anh D về quê làm ăn nhưng không về chung sống với mẹ con chị. Vợ chồng sống ly thân từ 2017 đến nay. Nay anh D xin ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn theo nguyện vọng của anh D.

Về con chung: Chị và anh D có hai con chung là Vũ Quang D2 sinh năm 1993 đã trưởng thành có gia đình riêng, và Vũ Thị D3 sinh năm 1999 đang học năm thứ ba đại học nên không phải giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Chị D1 không yêu cầu giải quyết.

Chị D1 đã nhận thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải tuy nhiên do tình cảm vợ chồng không còn nên chị không đến Tòa giải quyết. Chị cũng không có tài liệu chứng cứ gì nộp cho Tòa án và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH phát biểu quan điểm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi nghị án đúng quy định của pháp luật việc chấp hành pháp luật của anh D đã tuân thủ quy định của pháp luật, đối với chị D1 chưa tuân thủ quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh D, xử cho anh D được ly hôn chị D1. Về con chung: Anh D, chị D1 có 02 con chung đều đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên không phải giải quyết. Về tài sản chung: Không phải giải quyết. Về án phí: Anh D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh D có đơn yêu cầu giải quyết việc ly hôn chị D1 tại Tòa án nhân dân huyện ĐH. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐH.

Chị D1, anh D vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện ĐH vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị D1, anh D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh D và chị D1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D đi làm ăn xa ít quan tâm tới vợ con, từ đó tình cảm lạnh nhạt. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 không quan tâm đến nhau. Nay anh D, chị D1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Anh D xin ly hôn, chị D1 cũng đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn theo nguyện vọng của anh D.

Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận nguyện vọng của anh D, xử cho anh D được ly hôn chị D1 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Anh D và chị D1 có 02 con chung Vũ Quang D2 sinh năm 1993 và Vũ Thị D3 sinh năm 1999. Hiện nay cả hai con đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên không phải giải quyết

[4] Về tài sản chung: Anh D, chị D1 không yêu cầu nên không phải giải quyết.

[5] Về án phí: Anh D là Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 35, Điều 146, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án, lệ phí Tòa án; Khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình Tuyên xử:

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Đình D được ly hôn chị Hà Thị D1.

2/ Về con chung: Anh D và chị D1 có 02 con chung Vũ Quang D2, sinh năm 1993 và Vũ Thị D3, sinh năm 1999. Hiện nay cả hai con đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên không phải giải quyết

3/ Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4/ Về án phí: Anh D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền anh D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0008346 ngày 28/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH thành tiền án phí.

5/Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

#### **Nơi nhận :**

- Các đương sự
- VKS huyện ĐH
- Thi hành án Dân sự ĐH
- UBND xã QH, huyện QP
- Tòa án nhân dân Tỉnh TB.
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

**(ĐÃ KÝ)**

**Hà Thị Nhung**

